

HOMework

REVISION 6 – ENGLISH 9

Objectives:

- Pronunciation: (10)
- Vocabulary: Quizlet
- Grammar: Modal verbs and Verbs + prepositions

I. Pronunciation:

Choose the word that has underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. fut <u>ur</u> e | B. mat <u>ur</u> e | C. past <u>ur</u> e | D. nat <u>ur</u> e |
| 2. A. <u>ch</u> ore | B. t <u>ech</u> nology | C. m <u>uch</u> | D. ex <u>ch</u> ange |
| 3. A. <u>th</u> reaten | B. ear <u>th</u> | C. healt <u>h</u> y | D. breat <u>h</u> e |
| 4. A. <u>w</u> ipe | B. all <u>ow</u> | C. pow <u>er</u> ful | D. ans <u>w</u> er |
| 5. A. serv <u>i</u> ce | B. pract <u>i</u> ce | C. off <u>i</u> ce | D. dev <u>i</u> ce |

Choose the word that has the stress position differs from the others.

- | | | | |
|-------------------|----------------|---------------|-----------------|
| 1. A. expedition | B. exploration | C. Australian | D. Geographical |
| 2. A. appropriate | B. interesting | C. different | D. cultural |
| 3. A. culture | B. engage | C. majority | D. determine |
| 4. A. romantic | B. counterpart | C. discussion | D. appearance |
| 5. A. bridegroom | B. bamboo | C. wedding | D. survey |

II. Vocabulary: Quizlet

III. Grammar:

1. Modal verbs:

- 1. Your health is getting worse. You _____ give up smoking.
 - ☐ A. can
 - ☐ B. should
 - ☐ C. may
 - ☐ D. could
- 2. “_____ you give of a lift to the office?” “- Yes, of course”.
 - ☐ A. Could
 - ☐ B. Must
 - ☐ C. Should
 - ☐ D. Have to

- 3. "- Where has Mary gone?" "- I don't know, but she _____ be returning home now".
 - ☐ A. must
 - ☐ B. can
 - ☐ C. could
 - ☐ D. might
- 4. We _____ hurry, otherwise we will be late for the festival.
 - ☐ A. must
 - ☐ B. can
 - ☐ C. may
 - ☐ D. Could
- 5. Everybody believes that the girl _____ overcome all obstacles in her career.
 - ☐ A. must
 - ☐ B. should
 - ☐ C. can
 - ☐ D. have to
- 6. "_____ I have a cup of tea?" "- Certainly!"
 - ☐ A. Should
 - ☐ B. Must
 - ☐ C. May
 - ☐ D. Have to
- 7. Marry feels bored because she _____ do the same things every day.
 - ☐ A. should
 - ☐ B. may
 - ☐ C. could
 - ☐ D. has to
- 8. She _____ more attention to what he says. He is a liar.
 - ☐ A. need to pay
 - ☐ B. needs pay
 - ☐ C. needs to pay
 - ☐ D. needs pay
- 9. There is still a lot of time left, so we _____ just as well play some computer games now.
 - ☐ A. must
 - ☐ B. can

- ☐ C. should
 - ☐ D. might
- 10. We _____ make mistake anymore, or else we will die.
 - ☐ A. can't
 - ☐ B. might not
 - ☐ C. mustn't
 - ☐ D. couldn't
- 11. He has run out of all his money. He _____ return home because he doesn't have enough money to buy a train ticket.
 - ☐ A. mustn't
 - ☐ B. can't
 - ☐ C. shouldn't
 - ☐ D. needn't
- 12. You have a lot of time, so you _____ hurry.
 - ☐ A. mustn't
 - ☐ B. can't
 - ☐ C. might not
 - ☐ D. needn't
- 13. Your disease is worse and worse. I think you _____ drink wine and beer anymore.
 - ☐ A. shouldn't
 - ☐ B. can't
 - ☐ C. may not
 - ☐ d. have not to
- 14. Mary and I are having an argument. She _____ come to my birthday party tonight.
 - ☐ A. can't
 - ☐ B. may not
 - ☐ C. mustn't
 - ☐ D. haven't to
- 15. We _____ to school at weekends.
 - ☐ A. haven't to go
 - ☐ B. don't have to
 - ☐ C. not have to go
 - ☐ D. have not to

2. Verbs + prepositions:

Drag and drop correct verbs in the sentences.

thinking	agree	insisted	think	come
apologizes	concentrate	admitted	stare	believe

1. She _____ **for** her misbehavior. (Cô ấy xin lỗi vì cách cư xử không đúng mực)
2. Kate _____ **to** cheating in the exam. (Kate thừa nhận đã gian lận trong bài kiểm tra)
3. I'm _____ **about** moving out. (Tôi đang xem xét tới việc chuyển ra ngoài sống)
4. Do you _____ **with** me? (Anh có đồng ý với tôi không?)
5. I _____ **of** you every day. (Anh nghĩ về em mỗi ngày)
6. I _____ **in** you. (Tôi tin ở bạn.)
7. It's impolite to _____ **at** the girl like that.
(Thật là bất lịch sự khi nhìn chăm chăm vào cô gái như vậy)
8. They _____ - _____ **on** playing football in the rain.
(Họ cứ nằng nặc đòi chơi đá banh trong trời mưa)
9. Where do you _____ **from**? (Bạn tới từ đâu?)
10. I cannot _____ on my work if you keep playing the music loudly like that.
(Tôi không thể tập trung vào công việc nếu bạn cứ mở nhạc to như vậy.)